

Bản tin Phân tích kỹ thuật

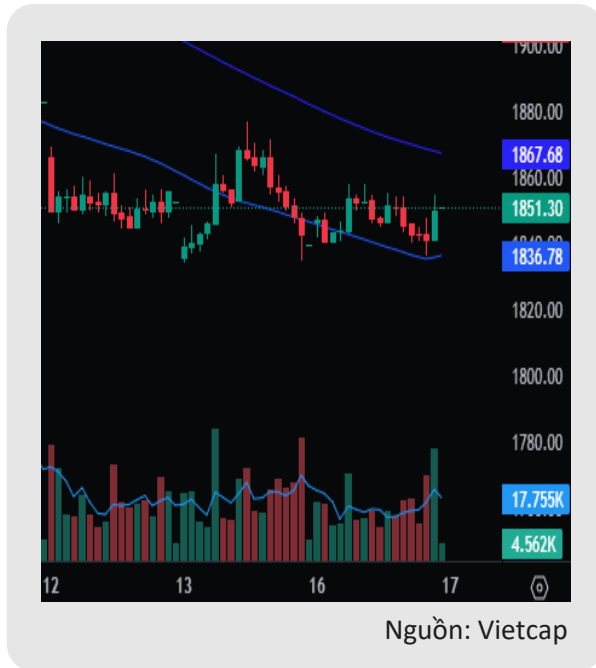
16/03/2026



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G3000 đóng cửa vượt các đường MA20 và MA50 thể hiện sự suy yếu của áp lực giảm. (M15)
- Dựa trên tín hiệu hiện tại, xác suất đang nghiêng về phía hình thành nhịp tăng với mục tiêu là vùng 1.867 điểm. Khuyến nghị mở vị thế mua và dừng lỗ khi xuất hiện nến đóng cửa dưới ngưỡng 1.845 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.851 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.868 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.845 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tiêu cực	Tiêu cực



Nguồn: Vietcap

- Về hoạt động giao dịch, hoạt động mua tập trung phần lớn ở nhóm Bất động sản nhưng mức độ dàn trải đã giảm so với hai phiên trước. Các nhóm ngành còn lại như Ngân hàng, Chứng khoán, Vật liệu, Dầu khí, Công nghiệp và Bán lẻ tiếp tục bị chi phối bởi hoạt động bán trên phần lớn cổ phiếu thành phần, nhưng áp lực ở mức thấp.
- Về tín hiệu kỹ thuật, tín hiệu hồi phục ngắn hạn xác nhận trên 70%-80% cổ phiếu Bất động sản. Ở nhóm Ngân hàng, 50% cổ phiếu trong ngành chưa bị ảnh hưởng bởi lực bán giá cao nhưng 50% còn lại bắt đầu chịu sự lấn át từ áp lực giảm.
- Trạng thái cung cầu và tín hiệu kỹ thuật duy trì sự phân hóa cao. Do đó, tín hiệu tạo đáy chưa được xác nhận và VN-Index sẽ tiếp tục biến động/rung lắc trong biên độ 1.650-1.730 (+/-10 điểm). Các vị thế ngắn hạn mở quanh vùng giá thấp phiên 09-10/03 có thể cân nhắc chốt lãi/giảm tỷ trọng trong trường hợp VN-Index tiếp cận cận trên biên độ (1.730 điểm). Ngược lại, cận dưới biên độ (1.650 điểm) sẽ tạo điều kiện giải ngân (tỷ trọng thăm dò) trên hai nhóm ngành có khuynh hướng hồi phục mạnh hiện tại là Ngân hàng và Bất động sản.

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
MCH	149,800	7.00%	13.31%	193,910	3.992	5,518	10.7	27.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BSR	32,750	-6.96%	-9.28%	163,989	-3.356	1,036	2.7	31.6	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
GAS	87,900	-4.25%	-15.72%	212,098	-2.650	4,730	3.2	18.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VHM	100,000	2.04%	13.12%	410,741	2.465	10,008	1.7	10.0	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VCK	33,400	6.88%	17.84%	81,326	1.645	1,613	2.8	20.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPL	76,600	-3.40%	7.28%	137,367	-1.375	615	3.8	124.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GVR	33,050	-2.79%	-5.97%	132,200	-1.086	1,406	2.3	23.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TCX	50,700	2.53%	-2.31%	117,197	0.871	2,713	2.7	18.7	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
VNM	61,800	-2.06%	6.37%	129,159	-0.782	4,503	4.2	13.7	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	40,300	-0.86%	-0.62%	282,961	-0.716	4,279	1.7	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	46,700	-3.51%	-19.06%	59,337	-0.613	2,122	2.3	22.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	78,200	1.56%	3.03%	133,214	0.610	5,511	3.7	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,500	6.72%	28.57%	30,132	0.595	862	0.7	15.7	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	80,600	-1.71%	4.68%	118,355	-0.594	4,777	3.6	16.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
VCB	58,800	-0.34%	2.62%	491,314	-0.490	4,210	2.2	14.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	77,700	-2.75%	11.32%	69,913	-0.109	17,478	4.0	4.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KSV	154,000	-3.14%	3.49%	30,800	-0.055	10,115	6.0	15.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	41,800	4.50%	-8.93%	21,377	0.055	3,560	1.4	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HUT	16,700	2.45%	9.87%	17,840	0.025	434	1.7	38.4	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
CEO	15,600	2.63%	7.59%	8,852	0.013	304	1.4	51.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	11,000	-0.90%	7.84%	21,171	-0.011	0	1.6	186,807.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDC	43,700	-1.13%	12.05%	16,584	-0.011	5,090	2.6	8.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LAS	18,400	-8.91%	6.36%	2,077	-0.011	1,455	1.4	12.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	24,700	0.82%	1.65%	16,482	0.008	1,883	2.1	13.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DTK	11,500	-1.71%	10.58%	7,852	-0.008	958	0.9	12.0	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
SSH	75,300	-14.92%	-14.92%	28,238	-0.266	-1,095	5.1	-68.8	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VGI	83,700	1.58%	4.10%	256,666	0.256	3,063	6.3	27.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSR	47,500	-6.86%	16.42%	52,813	-0.229	10	4.3	4,674.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNH	44,700	-14.86%	-17.22%	18,881	-0.177	2,227	3.3	20.1	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
ACV	48,500	-1.02%	8.26%	173,976	-0.112	3,026	2.5	16.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CC1	37,500	10.62%	17.19%	14,351	0.096	588	3.3	61.4	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
OIL	17,700	-7.81%	-15.31%	18,038	-0.089	420	1.7	41.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
PAP	27,400	9.16%	14.17%	9,782	0.057	-2,163	5.0	-12.7	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSF	27,500	-5.17%	-8.33%	13,745	-0.045	57	6.0	482.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDP	271,000	4.23%	7.97%	16,749	0.045	2,836	5.1	95.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

PHÁ ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCK	33,400	6.9%	357.4	143.3	26,688	32,875	2.8	20.7	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	8,300	7.8%	44.0	18.5	4,546	7,700	0.8	33.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CAP	45,600	2.7%	7.0	1.4	33,300	45,000	2.9	13.8	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VTP	89,000	-0.1%	34.5	72.7	89,100	150,199	6.1	26.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
POM	4,100	-14.6%	24.0	7.3	1,400	8,100	-1.9	-1.4	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MCH	149,800	7.0%	221.7	40.6	85,439	181,862	10.7	27.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			16/03/2026	13/03/2026	12/03/2026	11/03/2026	10/03/2026	09/03/2026	06/03/2026	05/03/2026
VNINDEX	MA200	Trên	32%	33%	32%	33%	30%	25%	38%	40%
		Dưới	68%	67%	68%	67%	70%	75%	62%	60%
	MA50	Trên	26%	27%	25%	27%	19%	16%	35%	38%
		Dưới	74%	73%	75%	73%	81%	84%	65%	62%
	MA20	Trên	23%	20%	18%	20%	13%	9%	28%	32%
		Dưới	77%	80%	82%	80%	87%	91%	72%	68%
VN30	MA200	Trên	43%	43%	43%	43%	43%	30%	57%	60%
		Dưới	57%	57%	57%	57%	57%	70%	43%	40%
	MA50	Trên	10%	7%	7%	17%	13%	13%	27%	33%
		Dưới	90%	93%	93%	83%	87%	87%	73%	67%
	MA20	Trên	10%	10%	7%	10%	7%	3%	20%	30%
		Dưới	90%	90%	93%	90%	93%	97%	80%	70%
HNX	MA200	Trên	42%	42%	42%	39%	36%	33%	42%	43%
		Dưới	58%	58%	58%	61%	64%	67%	58%	57%
	MA50	Trên	38%	37%	39%	36%	31%	27%	39%	40%
		Dưới	62%	63%	61%	64%	69%	73%	61%	60%
	MA20	Trên	42%	42%	42%	39%	36%	33%	42%	43%
		Dưới	58%	58%	58%	61%	64%	67%	58%	57%
UPCOM	MA200	Trên	29%	28%	27%	28%	25%	24%	32%	31%
		Dưới	71%	72%	73%	72%	75%	76%	68%	69%
	MA50	Trên	32%	32%	32%	32%	30%	28%	36%	36%
		Dưới	68%	68%	68%	68%	70%	72%	64%	64%
	MA20	Trên	40%	39%	39%	39%	38%	35%	42%	42%
		Dưới	60%	61%	61%	61%	62%	65%	58%	58%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 17	Tháng 3										Tháng 2									
	16 ↓	13	12	11	10	09	06	05	04	03	02	27	26	25	24	23	13	12	11	10
1 Dầu khí	67	75	80	78	77	85	90	91	93	92	85	89	86	85	85	78	81	80	80	82
2 Điện, nước & xăng d...	63	64	62	58	54	62	75	80	80	81	69	64	62	61	59	54	55	55	55	60
3 Hóa chất	60	67	66	63	60	64	69	72	78	81	76	75	75	73	65	57	57	57	58	60
4 Y tế	60	60	73	74	-	-	-	-	-	-	54	61	62	68	64	53	51	48	44	43
5 Hàng cá nhân & Gia ...	52	58	59	58	49	56	63	68	71	69	72	74	74	72	71	67	65	65	64	62
6 Tài nguyên Cơ bản	51	55	54	54	48	46	48	51	55	57	66	71	72	65	60	58	55	53	53	57
7 Bán lẻ	48	50	51	43	39	43	52	56	63	69	71	88	88	88	82	76	81	79	75	75
8 Hàng & Dịch vụ Côn...	47	52	53	50	50	56	62	63	68	68	66	67	64	68	64	56	55	55	53	55
9 Xây dựng và Vật liệu	45	41	37	36	34	38	44	44	47	50	54	61	64	62	58	50	48	48	47	51
10 Ô tô và phụ tùng	43	42	40	39	36	37	42	44	50	54	53	59	61	61	59	52	50	50	46	46
11 Thực phẩm và đồ uống...	38	38	37	35	31	33	38	41	43	44	45	57	63	62	60	53	56	55	55	59
12 Dịch vụ tài chính	36	39	42	43	42	51	59	55	54	52	58	61	63	62	53	49	36	34	32	32
13 Ngân hàng	34	35	35	36	31	35	37	40	43	49	55	62	64	59	55	52	46	46	41	40
14 Bất động sản	30	28	22	20	19	20	24	26	25	30	31	37	38	39	35	32	34	36	31	28
15 Bảo hiểm	30	31	31	31	28	33	35	37	47	54	55	63	70	70	68	56	62	66	65	65
16 Du lịch và Giải trí	25	25	25	23	22	24	27	31	31	36	45	43	46	51	47	39	38	38	33	31
17 Công nghệ Thông tin	10	10	11	11	10	10	13	13	14	17	24	33	34	36	36	39	44	48	47	54

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VCK	33,400	6.9%	17.8%	81,326	2.8	20.7	1,613	357.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HUT	16,700	2.5%	9.9%	17,840	1.7	38.4	434	41.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HDG	28,600	0.5%	12.2%	10,581	1.6	15.0	1,907	78.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
QTP	13,200	-2.9%	8.2%	6,044	1.0	5.8	2,336	7.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PPC	10,600	-0.5%	9.8%	3,398	0.8	20.0	530	9.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VVS	149,300	-7.0%	15.4%	3,214	4.9	9.9	15,160	22.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NAF	45,250	-0.2%	5.5%	2,768	3.9	21.3	2,125	25.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
SHI	14,850	6.1%	7.6%	2,524	1.4	49.6	299	9.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TTA	11,500	1.8%	12.2%	2,053	0.9	8.7	1,327	6.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
IDI	7,330	-0.8%	11.6%	2,002	0.6	15.6	470	8.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PAC	25,300	-3.3%	14.7%	1,764	1.7	15.0	1,688	31.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MZG	12,900	0.0%	17.3%	1,538	1.0	12.0	1,104	20.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MST	8,300	7.8%	25.8%	943	0.8	33.6	247	44.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
CAP	45,600	2.7%	12.0%	696	2.9	13.8	3,300	7.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DVM	6,800	3.0%	7.9%	320	0.4	8.0	849	10.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	66,600	1.2%	9.5%	125,555	2.1	21.1	3,150	734.2	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PNJ	118,000	0.9%	10.8%	40,256	3.0	14.1	8,353	83.7	Tích cực	7.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
VHC	60,600	0.0%	10.0%	13,602	1.4	10.0	6,073	33.8	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
EVF	14,050	-7.0%	11.1%	10,686	1.1	12.0	1,176	307.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VSC	25,300	2.0%	11.7%	9,472	1.8	27.6	915	218.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
HVN	22,050	-2.2%	-2.6%	68,609	11.4	7.5	2,947	32.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NAB	12,900	0.8%	1.6%	22,132	0.9	5.3	2,438	15.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SBT	22,300	-0.9%	-0.9%	19,069	1.7	25.5	876	11.3	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMP	138,400	-0.1%	-1.5%	11,330	3.9	9.2	15,010	13.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VTP	89,000	-0.1%	-2.0%	10,839	6.1	26.8	3,325	34.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FTS	27,450	0.5%	-1.1%	9,511	2.2	23.6	1,161	12.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	23,500	-0.2%	-1.1%	2,633	1.1	9.8	2,402	21.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VFS	13,900	-0.7%	-2.8%	1,946	1.1	13.1	1,064	22.0	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCB	58,800	-0.3%	2.6%	491,314	2.2	14.0	4,210	235.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	40,300	-0.9%	-0.6%	282,961	1.7	9.4	4,279	209.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,200	0.7%	3.2%	214,004	1.3	8.4	3,577	245.4	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,500	-0.6%	2.8%	202,315	1.2	8.4	3,024	190.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	48,500	-1.0%	8.3%	173,976	2.5	16.1	3,026	27.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	78,200	1.6%	3.0%	133,214	3.7	14.2	5,511	679.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,400	0.0%	-3.1%	70,747	2.2	14.3	1,990	744.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BCM	53,400	-0.6%	-2.0%	55,269	2.4	15.8	3,371	40.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	145,000	-1.7%	-4.7%	53,070	6.6	16.3	8,873	53.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TPB	16,000	0.0%	1.9%	44,385	1.1	6.0	2,660	112.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIX	16,200	-1.5%	-1.5%	39,695	1.9	4.7	3,470	426.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEX	33,300	-1.3%	0.5%	30,050	1.7	20.3	1,638	110.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DXS	6,310	0.96%	5.52%	13,600	115.5%	581	0.6	10.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
STK	14,700	-2.97%	1.38%	25,500	73.5%	353	1.2	41.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DXG	14,000	0.00%	6.46%	24,000	71.4%	229	1.1	61.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,200	0.77%	9.39%	43,700	66.8%	943	1.6	27.8	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NLG	28,000	6.06%	15.70%	45,800	63.6%	1,805	1.1	15.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
GEX	33,300	-1.33%	0.45%	54,000	62.2%	1,638	1.7	20.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	78,200	1.56%	3.03%	116,600	49.1%	5,511	3.7	14.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	25,500	-0.58%	2.82%	38,000	49.0%	3,024	1.2	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,500	6.72%	28.57%	20,000	48.1%	862	0.7	15.7	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	28,400	0.00%	-3.07%	40,800	43.7%	1,990	2.2	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACB	23,450	0.00%	8.06%	33,300	42.0%	3,042	1.3	7.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,950	1.53%	5.83%	42,400	41.6%	1,917	1.7	15.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	45,900	0.44%	7.24%	64,100	39.7%	3,130	2.4	14.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	41,800	4.50%	-8.93%	58,100	39.0%	3,560	1.4	11.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BWE	42,250	-1.05%	-0.12%	58,700	38.9%	4,506	1.6	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	73,500	-0.54%	7.77%	101,200	37.7%	2,710	3.0	27.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	16,800	0.00%	2.44%	23,100	37.5%	1,726	0.9	9.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,200	0.67%	3.25%	41,500	37.4%	3,577	1.3	8.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	31,150	-2.50%	4.18%	42,500	36.4%	2,500	1.2	12.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDC	18,350	1.94%	6.07%	24,600	34.1%	3,200	1.3	5.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

Managing Director

Brokerage

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn